

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng  
Phương án quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ  
Nhu Thanh, giai đoạn 2021 - 2030**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Luật xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định mức lương cơ sở tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 28/2018/TTBNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về quản lý rừng bền vững; số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;*

*Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức lao động điều tra quy hoạch rừng;*

*Căn cứ Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giao kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4453/TTr-STC ngày 31/8/2020; của Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh tại Tờ trình số 202/TTr-BQLRPHNT ngày 13/8/2020.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh, giai đoạn 2021 - 2030 với các nội dung chính như sau:

1. Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí hỗ trợ xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh, giai đoạn 2021 - 2030, cụ thể:

- Tên nhiệm vụ: Xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh, giai đoạn 2021 – 2030.

(Nội dung xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh, giai đoạn 2021 – 2030 áp dụng đối với chủ rừng là tổ chức theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục II, Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

- Cấp quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh.

- Địa điểm, phạm vi thực hiện: Diện tích rừng và đất lâm nghiệp do Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh quản lý.

- Tổng dự toán thực hiện nhiệm vụ: 598.500.000 đồng (Năm trăm chín mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng chẵn).

*(Chi tiết có Phụ biểu số I kèm theo)*

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn vốn Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020 được phân bổ tại Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2020.

2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh, giai đoạn 2021 - 2030, cụ thể:

- Toàn bộ phần công việc thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được chia làm 02 gói thầu.

- Nội dung các gói thầu: *Chi tiết có Phụ biểu số II kèm theo.*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Yêu cầu Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh (chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này để triển khai, tổ chức thực hiện trình

tự, các bước công việc theo đúng quy định của pháp luật; phê duyệt hồ sơ mời thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và các thủ tục khác liên quan đến nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2, Điều 101, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ và thực hiện trình tự, các bước công việc về đấu thầu liên quan theo quy định tại Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình có liên quan đến các gói thầu được phê duyệt.

2. Giao Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc liên quan đến ngành; hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện, đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện của chủ đầu tư, đảm bảo chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước tỉnh; UBND huyện Như Thanh, Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ (t/hiện);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/cáo);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NN.  
(MC70.09.20)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Quyền**

Phụ biểu số I:

**DỰ TOÁN**

**Kinh phí chi tiết hỗ trợ xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững  
Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh, giai đoạn 2021 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Định mức		Tổng số công	Hệ số lương BQ	Đơn giá tiền lương nhân công theo hệ số lương	Thành tiền	Thuế VAT (10%)	Kinh phí sau thuế (làm tròn)	Ghi chú
			Khối lượng	Số ĐM/ đơn vị							
	<b>Tổng cộng (I+II+III+IV+V)</b>							<b>547.654.286</b>		<b>598.500.000</b>	
<b>I</b>	<b>KINH PHÍ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH SỐ LIỆU</b>							<b>375.457.886</b>	<b>37.545.789</b>	<b>413.000.000</b>	
<b>1</b>	<b>Công tác chuẩn bị</b>							<b>21.008.413</b>	<b>2.100.841</b>	<b>23.109.000</b>	
-	Xây dựng dự toán chi tiết kinh phí hỗ trợ xây dựng Phương án	Công/CT	1,0	11,00	11,00	5,42	367.082	4.037.900	403.790	4.442.000	Quyết định số 487/2007/QĐ-BNN ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
-	Thu thập tài liệu, bản đồ liên quan	Công/CT	1,0	15,00	15,00	3,66	247.882	3.718.227	371.823	4.090.000	
-	Xây dựng quy trình kỹ thuật và kế hoạch triển khai	Công/CT	1,0	10,00	10,00	5,42	367.082	3.670.818	367.082	4.038.000	
-	Chồng ghép các loại bản đồ, xây dựng bản đồ nền cho công tác ngoại nghiệp	ha	15.287,0	0,0013	19,87	2,59	175.414	3.486.013	348.601	3.835.000	
-	Tập huấn thống nhất biện pháp kỹ thuật	Công/CT	6,0	5,00	30,00	3,00	203.182	6.095.455	609.545	6.705.000	
<b>2</b>	<b>Điều tra, khảo sát ngoại nghiệp</b>				<b>976,23</b>			<b>232.353.822</b>	<b>23.235.382</b>	<b>255.589.000</b>	
2.1	Điều kiện tự nhiên tại 12 xã của các huyện: Như Thanh, Như Xuân, Triệu Sơn.	Công/xã	11,0	15,00	165,00	3,06	207.245	34.195.500	3.419.550	37.615.000	Quyết định số 487/2007/QĐ-BNN ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
2.2	Hiện trạng dân sinh, kinh tế, xã hội: Thông tin về tổng số hộ, nhân khẩu, dân tộc, lao động, thu nhập bình quân đầu người, diện tích canh tác tại 12 xã của các huyện: Như Thanh, Như Xuân, Triệu Sơn.	Công/xã	12,0	20,00	240,00	3,06	207.245	49.738.909	4.973.891	54.713.000	
2.3	Hệ thống giao thông tại 12 xã của các huyện: Như Thanh, Như Xuân, Triệu	Công/xã	12,0	20,00	240,00	3,06	207.245	49.738.909	4.973.891	54.713.000	

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Định mức		Tổng số công	Hệ số lương BQ	Đơn giá tiền lương nhân công theo hệ số lương	Thành tiền	Thuế VAT (10%)	Kinh phí sau thuế (làm tròn)	Ghi chú
			Khối lượng	Số ĐM/ đơn vị							
	Son.										
2.4	Hiện trạng sử dụng đất Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh	Công/CT	1,0	22,00	22,00	4,98	337.282	7.420.200	742.020	8.162.000	
2.5	Tài nguyên rừng Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh				201,36			56.306.721	5.630.672	61.937.000	
-	Sơ thám khu vực tiến hành điều tra ngoại nghiệp	Công/điểm	3,0	20,00	60,00	4,65	314.932	18.895.909	1.889.591	20.786.000	Quyết định số 487/2007/QĐ-BNN ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
-	Mô tuyến điều tra	Công/km	8,0	3,30	26,40	2,06	139.518	3.683.280	368.328	4.052.000	
-	Mô tả đoạn (đường điều tra)	Công/km	8,0	0,50	4,00	4,65	314.932	1.259.727	125.973	1.386.000	
-	Điều tra tuyến thực vật rừng	Công/km	8,0	3,50	28,00	4,74	321.027	8.988.764	898.876	9.888.000	
-	Điều tra tuyến động vật rừng	Công/km	8,0	2,87	22,96	4,74	321.027	7.370.786	737.079	8.108.000	
-	Điều tra lâm sản ngoài gỗ	Công/km	8,0	1,00	8,00	4,06	274.973	2.199.782	219.978	2.420.000	
-	Điều tra côn trùng, sâu bệnh hại rừng	Công/km	8,0	6,00	48,00	3,99	270.232	12.971.127	1.297.113	14.268.000	
-	Phỏng vấn dân cư sống trong và ven rừng	Công/hộ	8,0	0,50	4,00	3,46	234.336	937.345	93.735	1.031.000	
2.6	Cơ sở vật chất, các chương trình dự án đã thực hiện tại Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh	Công/CT	1,0	22,00	22,00	4,98	337.282	7.420.200	742.020	8.162.000	
2.7	Điều tra xác định các hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển rừng, dịch vụ môi trường rừng tại Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh	Công/CT	1,0	22,00	22,00	4,98	337.282	7.420.200	742.020	8.162.000	
2.8	Kiểm tra ngoại nghiệp (7% công ngoại nghiệp)	Công	912,4	0,07	63,87	4,65	314.932	20.113.184	2.011.318	22.125.000	
<b>3</b>	<b>Tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu</b>							<b>96.327.273</b>	<b>9.632.727</b>	<b>105.960.000</b>	
3.1	Về điều kiện kinh tế - xã hội chung của khu vực	Công/CT	1,0	22,00	22,00	4,65	338.182	7.440.000	744.000	8.184.000	Quyết định số 487/2007/QĐ-BNN ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3.2	Về hiện trạng sử dụng đất, kết quả điều tra tài nguyên rừng Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh	Công/CT	1,0	22,00	22,00	4,65	338.182	7.440.000	744.000	8.184.000	
3.3	Xác định chức năng phòng hộ của rừng	Công/CT	1,0	22,00	22,00	4,65	338.182	7.440.000	744.000	8.184.000	

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Định mức		Tổng số công	Hệ số lương BQ	Đơn giá tiền lương nhân công theo hệ số lương	Thành tiền	Thuế VAT (10%)	Kinh phí sau thuế (làm tròn)	Ghi chú
			Khối lượng	Số ĐM/ đơn vị							
3.4	Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng	Công/CT	1,0	22,00	22,00	4,65	338.182	7.440.000	744.000	8.184.000	
3.5	Phân tích số liệu phục vụ xác định mục tiêu, phạm vi quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh, giai đoạn 2020 - 2030	Công/CT	1,0	22,00	22,00	4,65	338.182	7.440.000	744.000	8.184.000	
3.6	Xây dựng kế hoạch bảo vệ rừng	Công/CD	1,0	22,00	22,00	4,65	338.182	7.440.000	744.000	8.184.000	
3.7	Xây dựng kế hoạch phát triển rừng	Công/CD	1,0	22,00	22,00	4,65	338.182	7.440.000	744.000	8.184.000	
3.8	Xây dựng kế hoạch khai thác lâm sản	Công/CD	1,0	22,00	22,00	4,65	338.182	7.440.000	744.000	8.184.000	
3.9	Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng	Công/CD	1,0	22,00	22,00	4,65	338.182	7.440.000	744.000	8.184.000	
3.10	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững	Công/CD	1,0	22,00	22,00	4,65	338.182	7.440.000	744.000	8.184.000	Quyết định số 487/2007/QĐ-BNN ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3.11	Xây dựng kế hoạch thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng	Công/CD	1,0	22,00	22,00	4,65	338.182	7.440.000	744.000	8.184.000	
3.12	Tổng hợp, xây dựng phương án quản lý rừng bền vững Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh, giai đoạn 2021 - 2030	Công/CT	1,0	40,00	40,00	4,98	362.182	14.487.273	1.448.727	15.936.000	
<b>4</b>	<b>Chi phí vật liệu và dụng cụ thi công</b>							<b>25.768.378</b>	<b>2.576.838</b>	<b>28.346.000</b>	
-	In phiếu điều tra, tài liệu, bảng biểu...	Đồng/CT	1,0				4.000.000	4.000.000	400.000	4.400.000	Khoán
-	In bản đồ phục vụ hội nghị	Tờ	20,0				50.000	1.000.000	100.000	1.100.000	
-	In báo cáo chính, báo cáo tóm tắt	Tập	10,0				500.000	5.000.000	500.000	5.500.000	
-	Giấy gam	Gam	15,0				75.000	1.125.000	112.500	1.238.000	
-	Hỗ trợ xăng xe thực hiện công ngoại nghiệp	Đồng/công	976,2				15.000	14.643.378	1.464.338	16.108.000	
<b>II</b>	<b>KINH PHÍ CHỒNG XÉP, TÍNH TOÁN DIỆN TÍCH, SỐ HÓA BẢN ĐỒ; XÂY DỰNG BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG RỪNG VÀ</b>	<b>Công/mảnh</b>	<b>4,0</b>	<b>126,00</b>	<b>504,00</b>	<b>3,63</b>	<b>264.000</b>	<b>133.056.000</b>	<b>13.305.600</b>	<b>146.360.000</b>	

TT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Định mức		Tổng số công	Hệ số lương BQ	Đơn giá tiền lương nhân công theo hệ số lương	Thành tiền	Thuế VAT (10%)	Kinh phí sau thuế (làm tròn)	Ghi chú
			Khối lượng	Số ĐM/ đơn vị							
	<b>BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT</b>										
<b>III</b>	<b>TỔ CHỨC HỘI NGHỊ XIN Ý KIẾN</b>							<b>14.840.400</b>		<b>14.840.000</b>	
-	Hội nghị thông qua lần 1 (tại đơn vị)	HN	1,0	22,00	22,00	4,98	337.282	7.420.200		7.420.000	
-	Hội nghị thông qua lần 2 (tại đơn vị)	HN	1,0	22,00	22,00	4,98	337.282	7.420.200		7.420.000	
<b>IV</b>	<b>KINH PHÍ QUẢN LÝ (I +II + III) x 5% x 0,8)</b>							<b>20.900.000</b>		<b>20.900.000</b>	Quyết định số 5618/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015
<b>V</b>	<b>KINH PHÍ THẨM TRA, PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN (TMĐT x 0,57%)</b>							<b>3.400.000</b>		<b>3.400.000</b>	Thông tư 10/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính

**Phụ biểu số II: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững  
Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh, giai đoạn 2021 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (Đồng)	Nguồn vốn	Hình thức; phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 01: Điều tra, khảo sát, tổng hợp, phân tích số liệu	413.000.000	Từ nguồn vốn Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020 được phân bổ tại Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	Chỉ định thầu	Quý III/2020	Trọn gói	3 tháng
2	Gói thầu số 02: Chồng xếp, tính toán diện tích, số hóa bản đồ; xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng rừng và bản đồ hiện trạng sử dụng đất Ban quản lý rừng phòng hộ Như Thanh.	146.360.000		Chỉ định thầu	Quý III/2020	Trọn gói	3 tháng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>559.360.000</b>					

\* **Ghi chú:** Các gói thầu áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn theo quy định tại Điều 56, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.